

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1128/2022/QĐST-HNGĐ**

Biên Hòa, ngày 21 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1478/2022/TLST-VHNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Ông **Trần Quốc T**, sinh năm 2001;

Địa chỉ: 2/39, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

2. Bà **Từ Ngọc C**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: 17/4, tổ A, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, ông Trần Quốc T, bà Từ Ngọc C cùng nộp đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, ông T, bà C thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 13 tháng 6 năm 2022. Ông T cư trú tại phường Thống Nhất và bà C cư trú tại phường Bửu Long thuộc thành phố Biên Hòa, đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình; Do đó, đơn yêu cầu của ông T, bà C được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Trần Quốc T, bà Từ Ngọc C chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17/2022 ngày 18/02/2022.

Về con chung: Ông T, bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung: Ông T, bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T, bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông T và bà C thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông T, bà C xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông T và bà C thực sự tự nguyện ly hôn. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông T, bà C.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Quốc T và bà Từ Ngọc C.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Trần Quốc T và bà Từ Ngọc C mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 0002740 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Ông T, bà C đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã (phường) ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Thị Hòa